

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1160/2019/DS-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự”
(mua bán tài sản).

**NHÂN A
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1304/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” (mua bán tài sản) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công A.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 3, Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: đường X, Phường Y, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Đức B.

Địa chỉ: đường X, Phường Y quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/7/2018, đơn xin xác định lại yêu cầu khởi kiện, các biên bản lập tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Công A trình bày:

1/. Ngày 30/3/2017 ông Nguyễn Công A quen biết ông Vũ Đức B khi ông B thuê phòng trọ của ông A. Ông B giới thiệu đang làm điều hành ở Cảng Cát Lái Quận 02, TPHCM và có nói chỗ ông B làm có nhập xe máy SH Ý 150i với giá 60.000.000 đồng/chiếc bao gồm làm giấy tờ hải quan chính ngạch và thuế sau đó sẽ bán cho ông A với giá 120.000.000 đồng. Ông A đồng ý mua 3 chiếc xe SH Ý 150i, ông B yêu cầu ông A đặt cọc 60.000.000 đồng. Vào ngày 01/4/2017 tại số nhà Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, TPHCM ông A đã đặt cọc số tiền 60.000.000 đồng (có làm giấy tay nhận tiền cọc ngày 01/4/2017) cho ông B.

Vào ngày 09/4/2017 ông B điện báo cho ông A biết 3 chiếc xe SH ông A đặt cọc bị tạm giữ vì thiếu giấy tờ và yêu cầu ông A đưa thêm cho ông B 55.000.000 đồng để lấy xe ra nhanh hơn. Ông A đã đưa ông B 55.000.000 đồng tại quán cà phê trên đường Trần Nãi, phường Bình An, Quận 02, TPHCM (không có làm biên nhận giao tiền).

Đến ngày 17/4/2017 ông B đưa cho ông A bản phô tô giấy hẹn đăng ký xe SH 59S2-999.99 vào ngày 18/4/2017 và yêu cầu ông A đưa thêm 6.000.000 đồng, ông A đã đưa cho ông B số tiền trên (không có làm biên nhận giao tiền). Đến ngày 18/4/2017 ông A đến Cơ quan Đăng ký quản lý xe - phòng Cảnh sát giao thông đường bộ đường sông Công an TPHCM tại địa chỉ 282 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, TPHCM để nộp giấy hẹn thì cán bộ cho biết đây là giấy hẹn giả.

Đến 2 tháng sau ông A mới biết bị ông B lừa, ông B không có làm ở Cảng Cát Lái, không có xe SH, không có vụ bắt giữ xe, tất cả là do ông B dàn cảnh.

2/. Vào đầu tháng 4/2017, ông B trao đổi và bán cho ông A 01 sim Viettel số đẹp: 0977.777.777 với giá 230.000.000 đồng và yêu cầu ông A muốn mua sim trên thì phải đặt cọc, hẹn sau 01 tháng kể từ lúc nhận sim phải trả hết số tiền còn lại. Vì muốn có lời nên ông A đã đặt cọc cho ông B số tiền 121.000.000 đồng (không làm biên nhận giao tiền), sau đó ông B không giao sim và trốn.

3/. Vào đầu tháng 4/2017, ông B có hứa xin giúp ông A vào làm công việc điều hành ở Cảng Cát Lái Quận 02, với giá 45.000.000 đồng, ông A đưa trước 30.000.000 đồng. Sau khi nhận việc sẽ đưa tiếp 15.000.000 đồng. Vì muốn vào làm việc nên ông A đã đến nhà trọ ông B tại địa chỉ: Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, TPHCM để đưa số tiền 30.000.000 đồng (không làm biên nhận giao tiền). Sau khi nhận tiền ông B hứa vào ngày 10/4/2017 ông A sẽ được vào làm việc. Tuy nhiên sau ngày 10/4/2017 ông A vẫn không được đi làm, ông A nhắn tin, gọi điện hỏi ông B thì ông B viện nhiều lý do trì hoãn.

4/. Ngày 05/4/2017 ông B có gặp và nói với ông A hiện ông B đang có lô hàng 5 chiếc Iphone 7 (128GB) (giá 340 USD/chiếc) và 5 chiếc Iphone 7 plus (128GB) (giá 410 USD/chiếc). Cũng như những lần trước, ông B yêu cầu ông A nếu muốn lấy lô hàng trên thì phải đặt cọc 34.000.000 đồng, hẹn ngày 10/4/2017 sẽ giao hàng cho ông A và trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận hàng ông A sẽ thanh toán số tiền còn lại. Tối ngày 06/4/2017 tại giao lộ Nguyễn Xí-Phạm Văn Đồng, ông A đã đưa cho ông B số tiền 34.000.000 đồng (không làm biên nhận giao tiền). Nhưng sau khi nhận tiền cọc, ông B không giao 10 chiếc Iphone nêu trên, ông A gọi điện yêu cầu giao hàng thì ông B tránh

né và yêu cầu ông B trả lại tiền cọc nhưng ông B không hoàn trả lại.

5/. Buổi tối ngày 06/4/2017 ông B hứa bán cho ông A 01 xe máy mới hiệu Yamaha Z125 giá 60.000.000 đồng. Ông A đồng ý mua và đã giao tiền cho ông B 60.000.000 đồng (không làm biên nhận giao tiền) tại giao lộ Nguyễn Xí-Phạm Văn Đồng. Đến ngày 11/4/2017 ông B mới giao chiếc xe nêu trên (biển số 59S2-539.25). Qua 2 ngày sử dụng xe ông A không muốn sử dụng nữa, ông B nói với ông A đưa xe cho ông B bán dùm. Do tin tưởng nên ông A đã giao chiếc xe trên cho ông B để bán. Tuy nhiên ông B đã giao xe cho bạn ông B sử dụng, ông A gọi điện yêu cầu trả lại xe nhưng ông B không trả.

6/. Ngày 10/4/2017, ông B giới thiệu bạn ông B có bán chiếc xe Suzuki Satria màu đen xanh (59X2-666.89). Ông A đồng ý mua xe với giá trị 34.000.000 đồng (không làm biên nhận giao tiền). Sau đó ông B kêu ông A đưa xe để ông B đi bán dùm có lời. Ông A đã đưa xe và giấy tờ xe cho ông B đi bán, sau đó ông B không thực hiện việc bán xe và cũng không trả tiền lại cho ông A.

7/. Ngày 07/4/2017 ông B đề nghị ông A nhập hộ khẩu từ quê chuyển lên TPHCM để dễ dàng đứng tên xe máy, chi phí nhập hộ khẩu 6.000.000 đồng, ông A đã đưa tiền cho ông B (không làm biên nhận giao tiền). Ông A đã cắt hộ khẩu ở quê, đưa hồ sơ cho ông B làm, nhưng sau đó ông B viện nhiều lý do trì hoãn rồi không thực hiện việc nhập hộ khẩu và trả tiền lại cho ông A.

Tổng cộng có 7 giao dịch nêu trên giữa ông A và ông B với tổng số tiền là 406.000.000 đồng.

Đến ngày 22/4/2017 giữa ông A và ông B đã thống nhất xác định lại số tiền ông B còn thiếu ông A là 403.000.000 đồng bằng “giấy nhận tiền” (giấy tay).

Do ông B không giao xe và cũng không trả tiền theo giấy nhận tiền ngày 22/4/2017 nên cuối tháng 4/2017 ông A làm đơn tố cáo ông B tại Công an Phường X, quận Bình Thạnh, sau đó hồ sơ được chuyển lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh. Do ông B bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh ra thông báo truy tìm. Tháng 01/2018 ông A phát hiện ra ông B và trình báo. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh bắt tạm giữ ông B 02 ngày (15 và 16/01/2018). Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh ông B thừa nhận có thực hiện các giao dịch mua bán tài sản nêu trên với ông A. Vào ngày 15/01/2018 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, mẹ ông B là bà Vũ Thị Dung có trả trước cho ông A số tiền 30.000.000 đồng và hẹn tiếp đến ngày 20/02/2018 sẽ trả tiếp 100.000.000 đồng nhưng sau đó ông B không thực hiện việc trả tiền. Ngày 17/01/2018 ông B được thả ra.

Ngày 27/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra Thông báo số 457/TB-CQĐT-ĐTTH về việc thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm như sau: “Việc thỏa thuận mua bán xe SH, sim điện thoại, điện thoại di động v.v giữa anh Nguyễn Công A và anh Vũ Đức B là giao dịch dân sự; không có dấu hiệu của tội phạm. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác về tội phạm nêu trên.

Không đồng ý với thông báo nêu trên, ông A đã khiếu nại. Ngày 08/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh đã ra “Quyết định giải quyết khiếu nại

số 01 với nội dung: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác của anh Nguyễn Công A là đúng quy định.

Không đồng ý với Quyết định này, ông A khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh. Ngày 15/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã ra thông báo về việc không thụ lý đơn khiếu nại số 51/TB-VKS-KN vì không có căn cứ để thụ lý giải quyết khiếu nại.

Do không liên lạc được với ông Vũ Đức B nên ông A đã khởi kiện dân sự ông B tại Tòa án theo chứng cứ là “Giấy nhận tiền” 22/4/2017 được ký giữa ông A và ông B. Theo đơn khởi kiện và các biên bản lập tại Tòa, ông A yêu cầu ông B trả số tiền còn nợ : $403.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng (đã trả)} = 373.000.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi chậm trả là 1%/tháng, tạm tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 15/5/2019 là 16 tháng được tính: $373.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 59.680.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa ông A xác định lại giữa ông A và ông B không có giao dịch vay tiền với nhau. Ông A và ông B có mua bán tài sản và các giao dịch khác như trên. Về tiền lãi chậm trả, ông A yêu cầu Tòa án xem xét lại theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm/12tháng là 0.8333%/tháng, tiền lãi được tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 16/7/2019 là 18 tháng 01 ngày, tính tròn là 18 tháng nên tiền lãi chậm trả được tính lại là $373.000.000 \text{ đồng} \times 0,8333\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 55.947.762 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: $373.000.000 \text{ đồng (nợ gốc)} + 55.947.762 \text{ đồng (tiền lãi)} = 428.947.762 \text{ đồng}$. Trả một lần ngày sau bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

* Ông Vũ Đức B - Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Đức B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác B nơi cư trú của bị đơn ông Vũ Đức B như sau: Theo kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ của Công an Phường X, quận Bình Thạnh lập ngày 14/9/2018 như sau: “Đương sự Vũ Đức B, sinh năm: 1990 có hộ khẩu thường trú tại Nơ Trang Long, Phường X, quận Bình Thạnh nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, bỏ trốn khỏi địa phương đi đâu không rõ”.

- Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Vũ Đức B tại địa chỉ thường trú số Nơ Trang Long, Phường X, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong cả hai lần Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần mở phiên tòa, ông B đều vắng mặt không lý do. Ông B cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc nguyên đơn khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Do ông Vũ Đức B vắng mặt nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã thụ lý vụ kiện nêu trên là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận và xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có không có giao dịch vay tài sản với nhau mà thực tế có giao dịch mua bán các tài sản như xe SH, mua bán Sim, xin việc làm, nhập hộ khẩu, mua bán Iphone, mua bán xe Yamaha Z125, mua bán Suzuki Satria. Theo giấy nhận tiền ngày 22/4/2017 thì bị đơn cam kết sẽ giao hàng là xe cho nguyên đơn trong thời hạn 10 ngày nhưng bị đơn không thực hiện việc giao xe. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng dân sự (mua bán tài sản). Do bị đơn không giao xe và cũng không trả tiền nên phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 428.947.762 đồng (trong đó có 373.000.000 đồng (nợ gốc) và 55.947.762 đồng (tiền lãi).

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông A yêu cầu ông B trả lại cho ông A số tiền gốc và tiền lãi như trên nhưng ông B không có ý kiến phản hồi, không đưa ra chứng cứ phản đối để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng B”.

Căn cứ giấy nhận tiền (giấy tay) lập ngày 22/4/2017 giữa ông Nguyễn Công A và Vũ Đức B với nội dung như sau: “ Tôi tên: Vũ Đức B, HKTT: Nơ Trang Long, Phường X, quận Bình Thạnh. Số CMND C, cấp ngày 28/12/2015. Tôi có nhận của anh Nguyễn Công A, SN 1987, số CMND D, HKTT: Quảng Ngãi. Tôi có nhận của anh A một số tiền để lấy hàng cho anh A là 403.000.000 đồng (bốn trăm lẻ ba triệu đồng) và tôi xin cam đoan giữa tôi và anh A trong vòng 10 ngày tôi sẽ giao hàng cho anh A (số lương hàng là xe). Tôi xin cam đoan những lời nói trên là đúng. Nếu có sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật....”

Xét thấy giữa ông A và ông B có thực hiện việc mua bán các tài sản nêu trên. Ông B thừa nhận có nhận của ông A số tiền 403.000.000 đồng để lấy hàng và giao xe. Do quá thời hạn giao xe (10 ngày), ông B không giao xe cho ông A, nên ông A

khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền nêu trên theo giấy nhận tiền ngày 22/4/2017 là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“Trường hợp bên mua mà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

2. “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Tại phiên tòa ông A xác định mẹ ông B đã trả trước cho ông A 30.000.000 đồng vào ngày 15/01/2018. Nay ông A yêu cầu ông B trả tiền nợ gốc 373.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm/12tháng là 0.8333%/tháng từ ngày 15/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2019) là 18 tháng, nằm trong phạm vi mà pháp luật cho phép và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A buộc ông B trả cho ông A số tiền 428.947.762 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Hiện nay ông A độc thân, chưa lập gia đình. Ông A xác định chỉ khởi kiện và buộc cá nhân ông B trả tiền nợ, không liên quan đến vợ ông B là bà P. Hiện nay bà P sinh sống ở đâu ông A không biết nên yêu cầu Tòa án không triệu tập bà P tham gia tố tụng với tư cách là người tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để cùng trả nợ chung với ông B nên Tòa án không triệu tập bà P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đức B phải chịu án phí là 21.315.820 đồng (hai mươi một triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Công A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.088.000 đồng (mười triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 92, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430, Khoản 3 Điều 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Công A.

Buộc ông Vũ Đức B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Công A số tiền 428.947.762 đồng (bốn trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) (trong đó có 373.000.000 đồng (nợ gốc) và 55.947.762 đồng (tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2- Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 21.315.820 đồng (hai mươi một triệu ba trăm mười lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng), ông Vũ Đức B chịu.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Công A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.088.000 đồng (mười triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004988 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí B.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

Thái Thị Mỹ Hạnh

